

# MỨC ĐỘ SẴN SÀNG HỌC TẬP TỰ ĐỊNH HƯỚNG MÔN TIẾNG ANH CỦA HỌC SINH: NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG TẠI MỘT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH TÂY NINH

Hồ Thanh Mỹ Phương - Trần Thị Thanh Giang  
Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh  
Email: phuong.htm@ou.edu.vn.

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này khảo sát mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh học tiếng Anh như một ngoại ngữ tại Trường Trung học Phổ thông Ngô Gia Tự, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh khối 10, 11 và 12, với sự tham gia của 120 học sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Học sinh có mức độ sẵn sàng cao trong các khía cạnh như trách nhiệm, thái độ tích cực đối với việc học, khả năng sáng tạo và tính độc lập. Tuy nhiên, kỹ năng quản lý học tập của học sinh chỉ đạt mức trung bình. (2) Không có sự khác biệt đáng kể về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các khối lớp. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò quan trọng của học tập tự định hướng trong việc giúp học sinh phát triển kỹ năng học tập tự định hướng và chịu trách nhiệm với quá trình học tập của mình.

**Từ khóa:** Học tập tự định hướng, sẵn sàng học tập tự định hướng, tiếng Anh như một ngoại ngữ, giáo dục trung học phổ thông, học tập suốt đời.

Nhận bài: 10/01/2026; Biên tập: 12/01/2026; Phản biện: 19/01/2026; Duyệt đăng: 26/01/2026.

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiếng Anh giữ vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực của đời sống như giao tiếp quốc tế, tiếp cận tri thức và phát triển nghề nghiệp. Tại Việt Nam, tiếng Anh được xác định là ngoại ngữ chính và là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông. Việc thành thạo tiếng Anh giúp học sinh mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin, nâng cao năng lực học tập và tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, giáo dục đang có nhiều thay đổi trong phương pháp dạy và học. Công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn trở thành yếu tố thúc đẩy quá trình học tập thông qua các nguồn tài nguyên trực tuyến, ứng dụng di động và nền tảng học tập số. Trong bối cảnh đó, học tập tự định hướng được xem là một phương pháp giáo dục hiện đại, giúp người học chủ động trong việc xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp học và đánh giá kết quả học tập. Học tập tự định hướng khuyến khích người học phát triển tính tự chủ, khả năng quản lý thời gian và trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân. Đối với việc học tiếng Anh như một ngoại ngữ, phương pháp này đặc biệt quan trọng vì giúp học sinh vượt qua những hạn chế về thời gian và không gian, đồng thời tận dụng hiệu quả các nguồn học liệu đa dạng.

Tuy nhiên, việc áp dụng học tập tự định hướng trong giáo dục phổ thông tại Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn. Một số nghiên cứu cho thấy học sinh còn hạn chế về kỹ năng tự học, quản lý thời gian và khai thác các công cụ học tập hiện đại. Vì vậy, việc đánh giá mức độ sẵn sàng cho học tập tự định hướng của học sinh trung học phổ thông là cần thiết để đề xuất các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Bài báo tập trung nghiên cứu mức độ sẵn sàng cho học tập tự định hướng của

học sinh trung học phổ thông tại tỉnh Tây Ninh trong bối cảnh học tiếng Anh như một ngoại ngữ, từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả phương pháp học tập này trong giáo dục phổ thông.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Học tập tự định hướng là phương pháp giáo dục trong đó người học chủ động xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, tài liệu học tập và tự đánh giá kết quả của mình. Phương pháp này giúp người học phát triển tính tự chủ trong học tập, đồng thời rèn luyện các kỹ năng quan trọng như tư duy phản biện, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề. Trong bối cảnh giáo dục hiện đại và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, học tập tự định hướng ngày càng trở nên quan trọng, giúp học sinh thích ứng với môi trường học tập linh hoạt và đa dạng.

Mức độ sẵn sàng cho học tập tự định hướng được hiểu là khả năng của người học trong việc tự quản lý quá trình học tập, bao gồm xác định nhu cầu học tập, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá kết quả. Theo Đặng (2022), mức độ sẵn sàng này được thể hiện qua các khía cạnh như thái độ học tập, kỹ năng quản lý học tập, khả năng ứng dụng và sáng tạo, tính độc lập, trách nhiệm và nhận thức về năng lực học tập của bản thân. Những yếu tố này đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định hiệu quả của quá trình học tập tự định hướng.

Nghiên cứu trong lĩnh vực học tiếng Anh như một ngoại ngữ cho thấy học sinh có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng cao thường có khả năng tự học tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn. Tuy nhiên, nhiều học sinh vẫn gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian và tổ chức hoạt động học tập hiệu quả, mặc dù có thái độ tích cực đối với việc học.

Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam, các nghiên cứu về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở cấp trung học phổ thông. Vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề này là cần thiết nhằm đề xuất các giải pháp hỗ trợ học sinh nâng cao khả năng tự học, đặc biệt trong quá trình học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Khách thể nghiên cứu: Khách thể nghiên cứu là học sinh Trường THPT Ngô Gia Tự, tỉnh Tây Ninh, đang học tiếng Anh như một ngoại ngữ. Mẫu nghiên cứu gồm 120 học sinh thuộc các khối 10, 11 và 12, được lựa chọn bằng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên có phân tầng nhằm đảm bảo tính đại diện cho các khối lớp.

Công cụ khảo sát: Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi đánh giá mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng (Self-directed Learning Readiness Scale) do Đặng (2022) phát triển và điều chỉnh phù hợp với bối cảnh giáo dục Việt Nam. Bảng hỏi được dịch sang tiếng Việt để đảm bảo tính rõ ràng và dễ hiểu đối với học sinh. Thang đo gồm 41 câu hỏi, chia thành 7 khía cạnh: thái độ học tập, quản lý học tập, ứng dụng và sáng tạo, kiểm soát học tập, tính độc lập trong học tập, nhận thức về bản thân và trách nhiệm. Các câu hỏi được đánh giá theo thang Likert 5 mức độ (1 = hoàn toàn không đúng với tôi; 5 = hoàn toàn đúng với tôi). Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha với giá trị tổng thể 0.919, cho thấy thang đo có độ tin cậy cao. Tuy nhiên, khía cạnh "trách nhiệm" có hệ số thấp do số lượng câu hỏi ít. Quy trình thu thập dữ liệu: Dữ liệu được thu thập tại Trường THPT Ngô Gia Tự với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và lớp trưởng. Trước khi khảo sát chính thức, nghiên cứu thí điểm được thực hiện với 5 học sinh để kiểm tra tính phù hợp của công cụ. Học sinh được giải thích mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính ẩn danh trước khi hoàn thành bảng hỏi trong khoảng 15 - 25 phút.

Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20. Các phương pháp phân tích gồm thống kê mô tả nhằm xác định mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng và kiểm định ANOVA để so sánh sự khác biệt giữa các khối lớp. Hệ số Cronbach's Alpha được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của thang đo.

**2.3. Kết quả nghiên cứu**

**2.3.1. Kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua phiếu khảo sát về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh**

**Bảng 1. Kết quả khảo sát về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh trung học phổ thông học tiếng Anh như một ngoại ngữ.**

| Chỉ số   | Số lượng mẫu | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Min  | Max  | Mức độ |
|--|--------------|------------|---------------|------|------|--------|
| Điểm trung bình mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh | 120          | 3.91       | 0.47          | 2.40 | 4.87 | Cao    |

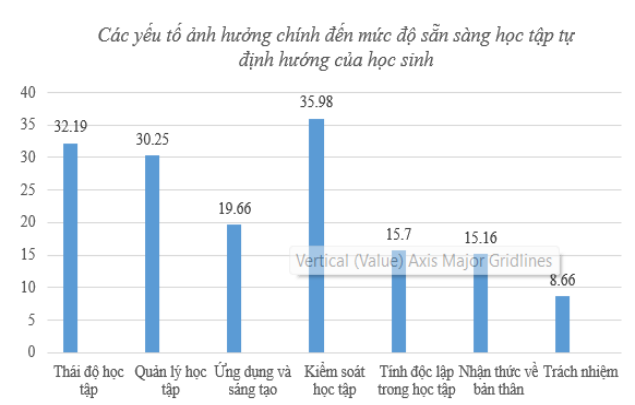
Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh trung học phổ thông tại Trường THPT Ngô Gia Tự, tỉnh Tây Ninh, có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng cao, với điểm trung bình tổng thể là 3.91 trên thang điểm 5 (Bảng 1). Điều này phù hợp với tiêu chí của Klunklin và cộng sự (2010), khi mức điểm từ 3.50 đến 4.49 được xem là mức độ sẵn sàng cao. Kết quả này cho thấy học sinh có khả năng tốt trong việc tham gia các hoạt động học tập tự định hướng, đặc biệt là trong việc học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

**Bảng 2. Kết quả phân tích chi tiết các khía cạnh của học tập tự định hướng**

| Khía cạnh học tập tự định hướng | Trung bình | Mode | Min  | Max  | Độ lệch chuẩn |
|---------------------------------|------------|------|------|------|---------------|
| Thái độ học tập                 | 4.02       | 4.00 | 2.13 | 5.00 | 0.55          |
| Quản lý học tập                 | 3.36       | 3.67 | 1.00 | 4.89 | 0.74          |
| Ứng dụng và sáng tạo            | 3.93       | 4.00 | 2.20 | 5.00 | 0.68          |
| Kiểm soát học tập               | 4.00       | 3.67 | 2.22 | 5.00 | 0.59          |
| Tính độc lập trong học tập      | 3.93       | 3.50 | 2.00 | 5.00 | 0.63          |
| Nhận thức về bản thân           | 3.79       | 3.50 | 2.00 | 5.00 | 0.67          |
| Trách nhiệm                     | 4.34       | 5.00 | 2.50 | 5.00 | 0.64          |

Khi phân tích chi tiết các khía cạnh của học tập tự định hướng, kết quả cho thấy học sinh đạt điểm cao nhất ở khía cạnh trách nhiệm (4.34), tiếp theo là thái độ học tập (4.02) và kiểm soát học tập (4.00). Điều này cho thấy học sinh có ý thức cao về trách nhiệm đối với việc học của mình, đồng thời thể hiện thái độ tích cực và khả năng kiểm soát quá trình học tập. Tuy nhiên, khía cạnh quản lý học tập chỉ đạt mức trung bình (3.36), phản ánh những khó khăn trong việc tổ chức, quản lý thời gian và lập kế hoạch học tập hiệu quả (Bảng 2).

**Biểu đồ 1. Các yếu tố ảnh hưởng chính đến mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh**

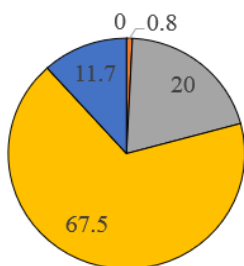


Biểu đồ 1 minh họa các yếu tố ảnh hưởng chính đến mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh. Trong đó, kiểm soát học tập (35.98) và thái độ học tập (32.19) là hai yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất, tiếp theo là quản lý học tập (30.25). Các yếu tố như trách nhiệm (8.66), nhận thức về bản thân (15.16) và tính độc lập (15.70) tuy có mức đóng góp

thấp hơn nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy học tập tự định hướng.

**Biểu đồ 2. Phân bố mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh**

Phân bố mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh



■ Rất thấp ■ Thấp ■ Trung bình ■ Cao ■ Rất cao

Phân bố mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh được thể hiện qua Biểu đồ 2. Kết quả cho thấy, phần lớn học sinh đạt mức cao (67.5%), tiếp theo là mức trung bình (20%), trong khi 11.7% học sinh đạt mức rất cao. Chỉ có 0.8% học sinh ở mức thấp và không có học sinh nào đạt mức rất thấp. Điều này khẳng định rằng học sinh tại Trường THPT Ngô Gia Tự có khả năng tự định hướng học tập tốt, đặc biệt là trong việc học tiếng Anh.

**2.3.2 Kết quả phân tích dữ liệu thu thập qua phiếu khảo sát về sự khác biệt trong mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các khối lớp**

**Bảng 3. Điểm trung bình mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng theo khối lớp**

| Khối lớp | Số lượng mẫu | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn | Min | Max |
|----------|--------------|-----------------|---------------|-----|-----|
| Lớp 10   | 40           | 154.90          | 17.14         | 115 | 184 |
| Lớp 11   | 40           | 163.50          | 17.83         | 124 | 198 |
| Lớp 12   | 40           | 154.45          | 22.76         | 100 | 188 |
| Tổng     | 120          | 157.62          | 19.69         | 100 | 198 |

**Bảng 4. Kết quả kiểm định ANOVA**

| Nguồn biến động | Tổng bình phương | df  | Bình phương trung bình | F     | Sig.  |
|-----------------|------------------|-----|------------------------|-------|-------|
| Giữa các nhóm   | 37.50            | 2   | 18.75                  | 0.811 | 0.790 |
| Trong nhóm      | 42.50            | 117 | 0.746                  |       |       |
| Tổng            | 80.00            | 119 |                        |       |       |

Kết quả phân tích sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các khối lớp cho thấy, học sinh lớp 11 có điểm trung bình cao nhất (163.50), tiếp theo là lớp 10 (154.90) và lớp 12 (154.45) (Bảng 3). Tuy nhiên, kiểm định ANOVA (Bảng 4) cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các khối lớp ( $p = 0.790$ ). Điều này phù hợp với nghiên cứu của El-Gilany và Abusaad (2013) và Phillips và cộng sự (2015), khi họ cũng không tìm thấy sự khác biệt đáng kể

về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các cấp học.

**Bảng 6. So sánh giữa các khối lớp**

| (I) Khối lớp | (J) Khối lớp | Chênh lệch trung bình (I-J) | Sai số chuẩn | Sig.  | Khoảng tin cậy 95% |
|--------------|--------------|-----------------------------|--------------|-------|--------------------|
| Lớp 10       | Lớp 11       | -8.600                      | 4.339        | 0.121 | -18.900 đến 1.700  |
|              | Lớp 12       | 0.450                       | 4.339        | 0.994 | -9.850 đến 10.750  |
| Lớp 11       | Lớp 10       | 8.600                       | 4.339        | 0.121 | -1.700 đến 18.900  |
|              | Lớp 12       | 9.050                       | 4.339        | 0.097 | -1.250 đến 19.350  |
| Lớp 12       | Lớp 10       | -0.450                      | 4.339        | 0.994 | -10.750 đến 9.850  |
|              | Lớp 11       | -9.050                      | 4.339        | 0.097 | -19.350 đến 1.250  |

Mặc dù không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, kết quả phân tích chi tiết (Bảng 6) cho thấy học sinh lớp 11 có xu hướng đạt mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng cao hơn so với học sinh lớp 10 và lớp 12. Điều này có thể phản ánh sự thích nghi và gia tăng khả năng tự định hướng học tập trong quá trình học tập ở bậc trung học phổ thông. Tuy nhiên, sự khác biệt này không đủ lớn để kết luận rằng cấp lớp có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng.

**2.4. Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh trung học phổ thông tại Trường THPT Ngô Gia Tự có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng cao, đặc biệt trong các khía cạnh như trách nhiệm, thái độ học tập và kiểm soát học tập. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Lai và cộng sự (2022), khi họ cũng chỉ ra rằng học sinh có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng cao trong các khía cạnh như thái độ học tập và kiểm soát học tập. Tuy nhiên, khác với nghiên cứu của Vũ và Shah (2016), chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt đáng kể về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các khối lớp. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Williamson (2007) và Lai (2019), khi họ cũng nhấn mạnh vai trò của tinh thần trách nhiệm và thái độ tích cực trong việc thúc đẩy học tập tự định hướng. Tuy nhiên, kết quả cũng chỉ ra rằng học sinh vẫn gặp khó khăn trong việc quản lý học tập, đặc biệt là trong việc tổ chức thời gian và lập kế hoạch học tập hiệu quả. Đây là một điểm cần được cải thiện thông qua các biện pháp hỗ trợ từ phía giáo viên và nhà trường.

Một số hạn chế của nghiên cứu bao gồm việc chỉ thực hiện tại một trường trung học phổ thông, dẫn đến tính khái quát còn hạn chế. Bên cạnh đó, các yếu tố như đặc điểm tâm lý của học sinh ở khu vực nông thôn, sự hạn chế trong việc tiếp cận tài liệu học tập ngoài nhà trường cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập tự định hướng. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai nên mở rộng đối tượng và phương pháp thu thập dữ liệu, đặc biệt kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính

để làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến học tập tự định hướng.

### 3. Kết luận

Nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn tổng quan về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng của học sinh trung học phổ thông học tiếng Anh như một ngoại ngữ tại Trường THPT Ngô Gia Tự, tỉnh Tây Ninh. Kết quả cho thấy học sinh có mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng khá cao ở nhiều khía cạnh, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm, thái độ học tập tích cực và khả năng sáng tạo. Tuy nhiên, học sinh vẫn gặp khó khăn trong việc quản lý học tập, bao gồm tổ chức nhiệm vụ, quản lý thời gian và lập kế hoạch học tập hiệu quả. Điều này cho thấy cần có các biện pháp hỗ trợ nhằm nâng cao kỹ năng tổ chức và quản lý thời gian cho học sinh.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng giữa các khối lớp 10, 11 và 12. Điều này cho thấy mức độ sẵn sàng học tập tự định hướng không chỉ phụ thuộc vào cấp học mà còn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố cá nhân và môi trường học tập.

Từ kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất. Đối với giáo viên, cần tăng cường tích hợp công nghệ vào giảng dạy, hướng dẫn học sinh các phương pháp quản lý thời gian và khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo trong học tập. Đối với học sinh, việc chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, sử dụng các công cụ hỗ trợ quản lý thời gian và tham gia các hoạt động học tập nhóm hoặc ngoại khóa sẽ góp phần nâng cao khả năng học tập tự định hướng.

Mặc dù vậy, nghiên cứu vẫn có một số hạn chế như phạm vi khảo sát chỉ thực hiện tại một trường THPT và độ tin cậy của một số khía cạnh trong thang đo còn thấp. Trong tương lai, cần mở rộng

quy mô mẫu và kết hợp thêm các phương pháp nghiên cứu khác để có cái nhìn toàn diện hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến học tập tự định hướng của học sinh ■

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Dang, T. T. T. (2022). *Development of Self-Directed Learning Readiness Scale for Vietnamese Undergraduates*. VNU Journal of Science: Education Research, 38 (3).
- [2]. El-Gilany, A. H., & Abusaad, F. E. S. (2013). *Self-directed learning readiness and learning styles among Saudi undergraduate nursing students*. Nurse education today, 33 (9), 1040 - 1044.
- [3]. Fisher, M., King, J., & Tague, G. (2001). *Development of a self-directed learning readiness scale for nursing education*. Nurse Education Today, 21, 516 - 525.
- [4]. Garrison, D. R. (1997). *Self-directed learning: Toward a comprehensive model*. Adult education quarterly, 48 (1), 18-33.
- [5]. Jossberger, H., Brand-Gruwel, S., Boshuizen, H., & Van de Wiel, M. (2010). *The challenge of self-directed and self-regulated learning in vocational education: A theoretical analysis and synthesis of requirements*. Journal of vocational education and training, 62 (4), 415 - 440.
- [6]. Klunklin, A., Viseskul, N., Sripusanapan, A., & Turale, S. (2010). *Readiness for self-directed learning among nursing students in Thailand*. Nursing & health sciences, 12(2), 177-181.
- [7]. Knowles, M. S. (1975). *Self-directed learning: A guide for learners and teachers*. The Adult Education Company.
- [8]. Lai, Y., Saab, N., & Admiraal, W. (2022). *Learning strategies in self-directed language learning using mobile technology in higher education: A systematic scoping review*. Education and Information Technologies, 27 (6), 7749 - 7780.

## Students' readiness for self-directed learning in English: A case study at a high school in Tay Ninh province

Ho Thanh My Phuong - Tran Thi Thanh Giang  
Ho Chi Minh City Open University  
Email: phuong.htm@ou.edu.vn.

**Abstract:** This study investigates the level of readiness for self-directed learning among students learning English as a foreign language at Ngo Gia Tu High School, Tay Ninh Province, Vietnam. The research objective was to assess the level of readiness for self-directed learning among 10th, 11th, and 12th grade students, with the participation of 120 students. The research results show that: (1) Students had a high level of readiness in aspects such as responsibility, positive attitude towards learning, creativity and independence. However, students' learning management skills were only average. (2) There were no significant differences in the level of readiness for self-directed learning between grade levels. The research highlights the crucial role of self-directed learning in helping students develop self-directed learning skills and take responsibility for their own learning process.

**Keywords:** Self-directed learning, self-directed learning readiness, English as a foreign language, high school education, lifelong learning.